

Số: /QĐ-UBND

Triệu Sơn, ngày tháng 11 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt Báo cáo KT- KT, thiết kế BVTC và dự toán  
Công trình: Trường mầm non xã Hợp Tiến, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa  
Hạng mục: Nhà lớp học 2 phòng 1 tầng; nhà hiệu bộ; cải tạo phòng âm nhạc.**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014;*

*Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015; Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định 68/2019/NĐ-CP ngày 14/08/2019 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;*

*Căn cứ Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 06/7/2020 của HĐND huyện Triệu Sơn về việc hỗ trợ xây dựng các công trình cho các xã phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới năm 2021 trên địa bàn huyện;*

*Căn cứ Quyết định số 6212/QĐ-UBND ngày 05/8/2020 của UBND huyện Triệu Sơn về việc ban hành cơ chế hỗ trợ xây dựng các công trình cho các xã phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới năm 2021 trên địa bàn huyện;*

*Theo đề nghị của các ông: Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng tại Báo cáo kết quả thẩm định số 258/TĐ-KTHT ngày 20/11/2020; Chủ tịch UBND xã Hợp Tiến tại Tờ trình số 68/TTr-UBND ngày 03/11/2020.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật, thiết kế BVTC và dự toán công trình **Trường mầm non xã Hợp Tiến, huyện Triệu Sơn** với các nội dung chủ yếu sau:

- 1. Tên công trình: Trường mầm non xã Hợp Tiến, huyện Triệu Sơn .**
- 2. Hạng mục: Nhà lớp học 2 phòng 1 tầng; nhà hiệu bộ; cải tạo phòng âm nhạc.**
- 3. Loại, cấp công trình: Công trình dân dụng, cấp IV.**
- 4. Chủ đầu tư: UBND xã Hợp Tiến, huyện Triệu Sơn.**

**5. Đơn vị khảo sát, thiết kế xây dựng:** Công ty TNHH tư vấn XD-TM Thành Mai.

**6. Mục tiêu đầu tư xây dựng:** Đầu tư xây dựng Nhà lớp học 2 phòng 1 tầng; nhà hiệu bộ; cải tạo phòng âm nhạc đảm bảo nhu cầu dạy và học của Trường mầm non xã Hợp Tiến, đạt tiêu chí Trường chuẩn Quốc gia.

**7. Địa điểm xây dựng:** Xã Hợp Tiến, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

**8. Quy mô, các giải pháp thiết kế chủ yếu công trình.**

### **8.1. Nhà lớp học 1 tầng:**

#### *a) Giải pháp kiến trúc:*

Công trình có quy mô 01 tầng, mặt bằng hình chữ nhật kích thước 18,0x10,3m, mặt bằng được bố trí gồm 2 phòng sinh hoạt chung (diện tích mỗi phòng 55,0m<sup>2</sup>), 2 phòng kho (diện tích mỗi phòng 8,0m<sup>2</sup>) và khu vệ sinh nam, nữ riêng biệt. Chiều cao từ cos nền nhà đến cos sàn mái là 3,6m; chiều cao mái là 1,8m. Chiều cao từ cos nền nhà đến cos đỉnh mái là 5,4m.

Tường nhà xây gạch không nung VXM M50, trát tường, dầm, trần, cột VXM M75. Toàn bộ tường, dầm, trần sơn 01 nước lót, 02 nước phủ. Cửa đi, cửa sổ cửa nhựa uPVC lõi thép gia cường kính trắng dày 5mm, hoa sắt cửa sổ sắt đặc 14x14mm sơn màu trắng.

Nền nhà lát gạch Ceramic 500x500mm, phòng vệ sinh lát gạch chống trơn 300x300mm, tường nhà vệ sinh ốp gạch men kính 300x600mm cao 1,8m.

Mái xây tường thu hồi, hệ xà gồ thép chữ U 80x40x3mm, lợp tôn sóng liên doanh dày 0,4mm màu xanh. Tam cấp xây gạch không nung VXM M50, mặt bậc được ốp đá granite tự nhiên.

#### *b) Giải pháp kết cấu:*

Phần móng sử dụng móng đơn BTCT dưới cột kết hợp móng xây đá hộc. Giằng móng BTCT đá 1x2 M200 kích thước 22x30cm.

Phần thân sử dụng hệ khung bê tông cốt thép chịu lực, cột kích thước 22x22cm, 22x30cm; dầm có kích thước 22x55cm và 22x30cm. Sàn mái BTCT dày 10cm.

#### *c) Giải pháp điện, nước:*

- Nguồn điện cấp cho công trình được lấy từ mạng lưới điện của khu vực cấp cho công trình bằng dây Cu/XLPE/PVC 2x10mm<sup>2</sup>, dây dẫn trong phòng dùng dây Cu/PVC 2x2.5mm<sup>2</sup> và Cu/PVC 2x1.5mm<sup>2</sup>. Hệ thống dây dẫn điện luôn trong ống gen đi ngầm trong tường và trần.

- Cấp nước: Nước cấp cho công trình được lấy từ nguồn nước của khu vực và được bơm lên 2 téc nước 2m<sup>3</sup> đặt trên mái sau đó cấp xuống thiết bị dùng nước tại các khu vệ sinh. Ống cấp nước sử dụng các ống PPR.

- Thoát nước thải từ xí, tiểu được thu vào hệ thống đường ống riêng qua bể tự hoại xử lý và thoát ra rãnh thoát nước chung. Nước thải từ chậu, sàn, lavabo, được thu vào đường ống và thải trực tiếp ra rãnh thoát nước bên ngoài. Ống thoát nước sử dụng ống nhựa PVC. Nước mưa trên mái được thu về sê nô xung quanh mái vào các ống đứng thoát nước PVC D90 và thải ra rãnh thoát nước bên ngoài.

### **8.2. Nhà hiệu bộ:**

*a) Giải pháp kiến trúc:*

Công trình có quy mô 01 tầng, mặt bằng hình chữ nhật kích thước 14,0x6,5m, mặt bằng được bố trí gồm 1 phòng hiệu trưởng (diện tích 15,7m<sup>2</sup>), 1 phòng văn phòng (diện tích 32,4m<sup>2</sup>) và 1 phòng hiệu phó + kế toán (diện tích 16,7m<sup>2</sup>). Chiều cao từ cos nền nhà đến cos sàn mái là 3,6m; chiều cao mái là 1,5m. Chiều cao từ cos nền nhà đến cos đỉnh mái là 5,1m. Tường nhà xây gạch không nung VXM M50, trát tường, dầm, trần, cột VXM M75. Toàn bộ tường, dầm, trần sơn 01 nước lót, 02 nước phủ. Cửa đi, cửa sổ cửa nhựa uPVC lõi thép gia cường kính trắng dày 5mm, hoa sắt cửa sổ sắt đặc 14x14mm. Nền nhà lát gạch Ceramic 500x500mm.

Mái xây tường thu hồi, hệ xà gồ thép chữ U 80x40x3mm, lợp tôn sóng liên doanh dày 0,4mm màu xanh. Tam cấp xây gạch không nung VXM M50, mặt bậc được ốp đá granite tự nhiên. Xây bồn hoa gạch không nung VXM M50, mặt ngoài ốp gạch thẻ màu đỏ.

*b) Giải pháp kết cấu:*

Phần móng sử dụng móng đơn BTCT dưới cột kết hợp móng xây đá hộc. Giằng móng BTCT đá 1x2 M200 kích thước 22x30cm.

Phần thân sử dụng hệ khung bê tông cốt thép chịu lực, cột kích thước 22x22cm, 22x35cm; dầm có kích thước 22x45cm và 22x35cm. Sàn mái BTCT dày 10cm.

*c) Giải pháp điện, nước:*

- Nguồn điện cấp cho công trình được lấy từ mạng lưới điện của khu vực cấp cho công trình bằng dây Cu/XLPE/PVC 2x10mm<sup>2</sup>, dây dẫn trong phòng dùng dây Cu/PVC 2x2.5mm<sup>2</sup> và Cu/PVC 2x1.5mm<sup>2</sup>. Hệ thống dây dẫn điện luôn trong ống gen đi ngầm trong tường và trần.

- Thoát nước: Nước mưa trên mái được thu về sê nô xung quanh mái và thu vào các ống đứng thoát nước PVC D90.

**8.3. Cải tạo phòng âm nhạc:**

- Hiện trạng: Phòng âm nhạc có mặt bằng hình chữ nhật kích thước 10,2x7,95m gồm 2 phòng có tường sơn đã bị ố vàng, loang lổ; hệ thống cửa gỗ bị hư hỏng, mối mọt nhiều.

- Biện pháp cải tạo: Phá bức tường ngăn 2 phòng, sơn lại toàn bộ nhà bằng 1 nước lót, 2 nước phủ. Thay thế hệ thống cửa gỗ bằng cửa nhựa uPVC lõi thép gia cường, kính dày 5mm; hoa sắt cửa sổ sắt đặc 14x14mm.

**9. Giá trị dự toán và nguồn vốn.**

**9.1. Giá trị dự toán : 2.022.945.000đ.**

*(Hai tỷ, không trăm hai mươi hai triệu, chín trăm bốn lăm nghìn đồng)*

Trong đó:

- Chi phí xây lắp:	1.691.341.000đ;
- Chi phí QLDA:	40.370.772đ;
- Chi phí TVĐTXD:	168.682.717đ;
- Chi phí khác:	26.220.263đ;
- Chi phí dự phòng:	96.330.738đ;

*(Có phụ biểu chi tiết kèm theo)*

**9.2. Nguồn vốn đầu tư:** Vốn hỗ trợ từ ngân sách huyện theo Quyết định số 6212/QĐ-UBND ngày 05/8/2020 của UBND huyện Triệu Sơn, ngân sách xã và các nguồn vốn hợp pháp khác.

**10. Hình thức quản lý dự án:** Chủ đầu tư trực tiếp quản lý.

**11. Thời gian thực hiện dự án:** Năm 2020.

**Điều 2.** Chủ đầu tư chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện dự án theo đúng Luật Xây Dựng và các quy định hiện hành của Nhà nước.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện; Trưởng các phòng: Kinh tế và Hạ tầng, Tài chính - Kế hoạch, Giáo dục và Đào tạo, Nông nghiệp và PTNN; Chủ tịch UBND xã Hợp Tiến; Giám đốc Kho bạc nhà nước huyện Triệu Sơn; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận :**

- Như Điều 3 QĐ;
- Lưu: VT, KTHT.

**CHỦ TỊCH**

**Vũ Đức Kính**

## PHỤ BIỂU TỔNG MỨC ĐẦU TƯ

**CÔNG TRÌNH: TRƯỜNG MÀM NON XÃ HỢP TIỀN, HUYỆN TRIỆU SƠN**

**HẠNG MỤC: NHÀ LỚP HỌC 1T - 2P; NHÀ HIỆU BỘ; CẢI TẠO PHÒNG ÂM NHẠC**

(Kèm theo QĐ số: /QĐ-UBND ngày /11/2020 của Chủ tịch UBND huyện Triệu Sơn)

ĐVT: VNĐ

TT	DIỄN GIẢI	KÝ HIỆU	GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ	VAT(10%)	GIÁ TRỊ SAU THUẾ
<b>I</b>	<b>CHI PHÍ XÂY DỰNG</b>	Gxd	<b>1.537.582.727</b>	<b>153.758.273</b>	<b>1.691.341.000</b>
1	Nhà lớp học 2 phòng 1 tầng		942.368.182	94.236.818	1.036.605.000
2	Nhà hiệu bộ		530.407.273	53.040.727	583.448.000
3	Cải tạo phòng âm nhạc		64.807.273	6.480.727	71.288.000
<b>II</b>	<b>CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN</b>	Gqlda	<b>40.370.772</b>		<b>40.370.772</b>
<b>III</b>	<b>CHI PHÍ TƯ VẤN ĐTXD</b>	Gtv	<b>153.347.924</b>	<b>15.334.792</b>	<b>168.682.717</b>
1	Chi phí khảo sát địa hình		2.895.455	289.545	3.185.000
2	Chi phí lập báo cáo kinh tế kỹ thuật		99.942.877	9.994.288	109.937.165
3	Chi phí giám sát thi công xây lắp		50.509.593	5.050.959	55.560.552
<b>IV</b>	<b>CHI PHÍ KHÁC</b>	Gk	<b>24.370.713</b>	<b>1.849.550</b>	<b>26.220.263</b>
1	Chi phí thẩm định Báo cáo KTKT		384.360		384.360
2	Phí thẩm tra phê duyệt quyết toán		5.490.852		5.490.852
3	Chi phí kiểm toán		18.495.502	1.849.550	20.345.052
<b>V</b>	<b>CHI PHÍ DỰ PHÒNG</b>	Gdp	<b>87.783.607</b>	<b>8.547.131</b>	<b>96.330.738</b>
	Dự phòng do yếu tố phát sinh khối lượng		87.783.607	8.547.131	96.330.738
	<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>1.843.455.744</b>	<b>179.489.746</b>	<b>2.022.945.490</b>
	<b>LÀM TRÒN</b>				<b>2.022.945.000</b>

*(Hai tỷ, không trăm hai mươi hai triệu, chín trăm bốn mươi lăm nghìn đồng)*